

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự án: Đường phía Tây huyện Phù Cát
(Tuyên từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Thông tư số 10/2015/TT-

BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát);

Căn cứ Quyết định số 4268/QĐ-UBND ngày 18/12/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 -2025;

Căn cứ Quyết định số 4564/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4838/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo tác động môi trường dự án Đường phía Tây huyện Phù Cát (tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát) của UBND huyện Phù Cát;

Theo Quyết định số 2787/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND huyện Phù Cát về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách huyện, giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 03/BC-SKHĐT ngày 02/01/2024, đề nghị của của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 2477/SGTVT-GT ngày 04/12/2023 và đề nghị của UBND huyện Phù Cát tại Văn bản số 294/TTr-UBND ngày 28/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án Đường phía Tây huyện Phù Cát (Tuyến từ Khu công nghiệp Hòa Hội đến khu vực sân bay Phù Cát), với nội dung chính như sau:

1. Phê duyệt dự án đầu tư

a. Chủ đầu tư: UBND huyện Phù Cát.

b. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm mở rộng không gian huyện Phù Cát về phía Tây và kết nối giao thông với thị xã An Nhơn, tạo điều kiện giao thương giữa các vùng được thuận lợi, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương.

c. Phạm vi xây dựng

- Điểm đầu (Km0+00) giao với tuyến ĐT.634 (Hòa Hội - Hội Sơn) tại Km1+830, thuộc địa phận xã Cát Hanh, huyện Phù Cát.

- Điểm cuối (Km9+792) giáp với đường QL.19B tại Km43+800, thuộc xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn.

- Tổng chiều dài tuyến đường khoảng $L = 9,792\text{Km}$; đoạn qua địa phận thị trấn Ngô Mỹ và các xã: Cát Hanh, Cát Hiệp, Cát Tân, huyện Phù Cát, chiều dài $L = 8,902\text{Km}$ và đoạn qua xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn dài $L = 0,89\text{Km}$.

d. Quy mô đầu tư xây dựng: Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (TCVN 4054:2005), với các thông số kỹ thuật chủ yếu như sau:

- Chiều dài xây dựng tuyến: $L = 9,792\text{Km}$.
- Tốc độ thiết kế: $V = 80\text{Km/h}$.
- Bề rộng nền đường: $B_n = 12,0\text{m}$. Trong đó:
 - + Bề rộng mặt đường: $B_m = 3,5\text{m} \times 2 + 2,0\text{m} \times 2 = 11,0\text{m}$.
 - + Bề rộng lề đường: $B_l = 0,5\text{m} \times 2 = 1,0\text{m}$.
- Mặt đường bê tông nhựa, cường độ mặt đường yêu cầu: $E_{yc} \geq 140\text{Mpa}$.
- Tải trọng thiết kế cầu, cống hộp lớn HL93; tải trọng thiết kế cống H30; tần suất thiết kế cầu lớn, cầu trung $P = 1\%$; nền đường, cầu nhỏ và cống $P = 4\%$. Bề rộng cầu, cống phù hợp với khổ nền đường.
- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên toàn tuyến.

đ. Giải pháp thiết kế

- *Nền đường:*
 - + Nền đắp: Đắp bằng đất cấp phối đồi đầm chặt K95, lớp sát móng độ chặt đạt K98 dày 50cm, mái taluy nền đắp $m = 1,5$.
 - + Nền đào: Lớp sát móng lu lèn độ chặt đạt K98 dày 30cm, mái taluy nền đào $m = 1$.

- *Mặt đường:*

- + Tuyến chính: Xây dựng mặt đường cấp cao A1, đảm bảo cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc} \geq 140\text{MPa}$ (tải trọng trục tính toán 100KN), với kết cấu (*tính từ trên xuống dưới*) như sau:

- .Lớp bê tông nhựa C16 dày 5cm.
- .Lớp bê tông nhựa C19 dày 7cm.
- .Lớp cấp phối đá dăm loại I, $D_{\max} = 25\text{mm}$ dày 15cm.
- .Lớp cấp phối đá dăm loại I, $D_{\max} = 37,5\text{mm}$ dày 18cm.
- + Kết cấu mặt đường nút giao dân sinh:
 - .Lớp bê tông xi măng $D_{\max 40}$ dày 20cm.
 - .Lớp cấp phối đá dăm $D_{\max 25}$ dày 15cm.

- *Công trình thoát nước:*

- * Công trình cầu: Trên toàn tuyến xây dựng 05 công trình cầu; cụ thể:
 - + Xây dựng cầu vượt kênh Văn Phong, Km0+962,04 trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, thiết kế theo mực nước lớn nhất trong kênh.

.Sơ đồ cầu gồm 01 nhịp giản đơn dài $L = 12\text{m}$, dạng dầm bản rộng. Mặt cắt ngang gồm 12 dầm, chiều cao dầm $H_d = 52\text{cm}$, bản mặt cầu dày 18cm.

.Bề rộng cầu: $B_{\text{cầu}} = 11\text{m} + 0,5\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$.

.Mố cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi $D = 1,0\text{m}$.

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn thép loại sóng, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Xây dựng cầu Hội Vân 1, Km1+099,93 trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế P = 4%.

.Sơ đồ cầu gồm 01 nhịp giản đơn dài L = 21m, dạng dầm I. Mặt cắt ngang gồm 05 dầm, cự ly tim dầm a = 240cm, chiều cao dầm H_d = 120cm, bản mặt cầu dày 20cm.

.Bề rộng cầu: B_{cầu} = 11m+0,5mx2 = 12,0m.

.Mố cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi D = 1,0m.

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn thép loại sóng, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Xây dựng cầu Hội Vân 2; Km2+372,50 trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu; kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế P = 1%.

.Sơ đồ cầu gồm 02 nhịp giản đơn dài L = 24m, dạng dầm I. Mặt cắt ngang gồm 05 dầm, cự ly tim dầm a = 240cm, chiều cao dầm H_d = 145cm, bản mặt cầu dày 20cm được nối liên tục nhiệt.

.Bề rộng cầu: B_{cầu} = 11m+0,5mx2 = 12,0m.

.Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi D = 1,0m.

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn loại răng lược, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Xây dựng cầu Hội Vân 3, Km2+902 trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế P = 1%.

.Sơ đồ cầu gồm 01 nhịp giản đơn dài L = 33m, dạng dầm I. Mặt cắt ngang gồm 05 dầm, cự ly tim dầm a = 240cm, chiều cao dầm H_d = 165cm, bản mặt cầu dày 20cm được nối liên tục nhiệt.

.Bề rộng cầu: B_{cầu} = 11m+0,5mx2 = 12,0m.

.Mố cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi D = 1,0m.

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn bằng loại sóng, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

+ Xây dựng cầu Suối Đục, Km6+090,24 trên tuyến dạng cầu vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực và bê tông cốt thép, tần suất thiết kế P = 1%.

.Sơ đồ cầu gồm 03 nhịp giản đơn dài L = 24m, dạng dầm I. Mặt cắt ngang gồm 05 dầm, cự ly tim dầm a = 240cm, chiều cao dầm H_d = 145cm, bản mặt cầu dày 20cm được nối liên tục nhiệt.

.Bề rộng cầu: B_{cầu} = 11m+0,5mx2 = 12,0m.

.Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép, đặt trên hệ cọc khoan nhồi D = 1,0m.

.Kết cấu khác: Lan can cầu bằng thép mạ kẽm, khe co giãn loại răng lược, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, ống thoát nước mặt cầu bằng thép.

* Công thoát nước trên tuyến:

+ Công hộp lớn thoát nước ngang: Toàn tuyến xây dựng 05 công hộp nx(BxH) các loại: 01 công hộp 2x(3mx2,5m); 01 công hộp 2x(3mx2m); 01 công hộp 2x(3mx1,5m); 01 công hộp 1x(5mx2m) và 01 công hộp 1x(3mx2m) bằng bê tông cốt thép có bề rộng phù hợp với khổ đường.

+ Công nhỏ các loại: Toàn tuyến xây dựng mới và nôi đót 51 công thoát nước nhỏ bằng bê tông cốt thép, bê tông li tâm khẩu độ từ 75cm đến 2x200cm, tường đầu tường cánh bằng bê tông xi măng, có bề rộng phù hợp với khổ đường.

* Rãnh thoát nước trên tuyến:

+ Xây dựng rãnh thoát nước dọc tại một số đoạn qua khu dân cư dạng hình chữ nhật có kết cấu bằng bê tông cốt thép, tấm đan bằng bê tông cốt thép.

+ Xây dựng rãnh thoát nước dọc tại một số đoạn nền đào có độ dốc lớn dạng hình thang bằng tấm bê tông xi măng lắp ghép.

- *Mái taluy nền đường*: Các đoạn xung yếu đối với nền đường đắp, mái taluy được gia cố bằng bê tông xi măng dày 12cm, mái taluy đối với nền đường thông thường lát văng cỏ.

- *Nút giao thông, đường giao dân sinh*: Trên tuyến thiết kế các nút giao, đường giao có kết cấu mặt đường phù hợp với tuyến chính, nút giao dạng giao cùng mức, phân luồng giao thông bằng hệ thống vạch sơn, biển báo.

- *Cải mương*: Thiết kế hoàn trả các mương phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Hệ thống an toàn giao thông*: Xây dựng cọc tiêu, biển báo, vạch sơn, cột Km, cọc H, tường hộ lan tôn sóng theo đúng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT và các quy định hiện hành.

- *Hệ thống điện chiếu sáng*:

+ Xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng chiều dài $L = 9.928\text{m}$ và cột điện chiếu sáng sử dụng loại cột bê tông li tâm $H = 12\text{m}$ và 14m , cột thép $H = 11\text{m}$, đèn led 180W, nhiệt độ màu 4.500-6.000K, quang thông $\geq 23.400\text{Lm}$, khoảng cách trung bình giữa 2 cột chiếu sáng từ 30m-37m và hệ thống điện chiếu sáng được điều khiển qua 03 tủ điều khiển.

+ Xây dựng mới đường dây 22kV, $L = 579\text{m}$ cấp nguồn cho trạm biến áp.

+ Xây dựng mới 02 trạm biến áp 30kVA-22/0,4kV dạng trạm hở, cột ghép bê tông li tâm cao 14m, không tường rào bao che.

e. Phân kỳ đầu tư

- Giai đoạn 1 (năm 2023 - 2025): Thực hiện giải phóng mặt bằng và đầu tư xây dựng phần nền đường và công trình thoát nước để đảm bảo kết nối giao thông từ ĐT.634 đến QL19B.

- Giai đoạn 2 (năm 2025 - 2026): Đầu tư xây dựng hoàn thiện phần mặt đường, hệ thống an toàn giao thông, điện chiếu sáng.

g. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Huyện Phù Cát và thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

- Diện tích đất sử dụng: 19,2 ha. Trong đó, diện tích chiếm dụng đất vĩnh viễn khoảng 18 ha, diện tích chiếm dụng đất tạm thời khoảng 1,2 ha.

h. Loại, nhóm dự án, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ; dự án nhóm B; công trình cấp II.

i. Tổng mức đầu tư dự án là 395.613.611.000 đồng (Ba trăm chín mươi lăm tỷ, sáu trăm mười ba triệu, sáu trăm mười một nghìn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 245.848.981.000 đồng;
- Chi phí thiết bị : 260.345.000 đồng;

- Chi phí quản lý dự án : 3.644.655.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 12.014.644.000 đồng;
- Chi phí khác : 13.049.361.000 đồng;
- Chi phí GPMB : 79.774.910.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 41.020.715.000 đồng.

k. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023 - 2026. Trong đó:

- Giai đoạn 1: Năm 2023 - 2025;
- Giai đoạn 2: Năm 2025 - 2026.

l. Nguồn vốn đầu tư: Thực hiện theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 23/3/2023 của HĐND tỉnh, cụ thể: Vốn đầu tư công của tỉnh, vốn đầu tư công huyện Phù Cát, thị xã An Nhơn và các nguồn vốn hợp pháp khác.

m. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

n. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Phạm vi GPMB: Đến chân taluy hoặc mép ngoài của công trình đối với các đoạn qua khu dân cư và tính từ mép ngoài cùng của taluy hoặc mép ngoài của công trình trở ra mỗi bên 0,5m; đối với công trình cầu phạm vi GPMB cách mép ngoài cùng của các bộ phận kết cấu cầu mỗi bên 7m.

- Tái định cư: Ảnh hưởng một phần nhà, đất ở của 05 hộ (xã Cát Hanh: 01 hộ, xã Cát Hiệp: 03 hộ, xã Cát Tân: 01 hộ) và 05 ngôi nhà bị giải tỏa trắng; dự kiến bố trí tái định cư lùi trên tuyến và vào các khu tái định cư có sẵn, không xây dựng mới khu tái định cư.

- Xây dựng hệ thống cọc mốc lộ giới trên tuyến để quản lý chỉ giới theo quy hoạch.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chi tiết có Phụ lục kèm theo.

Điều 2. UBND huyện Phù Cát, UBND thị xã An Nhơn phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng